

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH XUÂN LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 70/TTPTQĐ.CNXL

Xuân Lộc, ngày 19 tháng 5 năm 2026

V/v thực hiện các thủ tục niêm yết, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, đoạn qua xã Xuân Hòa, thành phố Đồng Nai (đợt 2).

Kính gửi: UBND xã Xuân Hòa

Căn cứ Luật đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai ban hành quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Thực hiện Văn bản số 171/TTPTQĐ-BT ngày 18/5/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai về việc khẩn trương đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố.

Để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án đề ra và công tác phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện thủ tục lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, niêm yết công khai, thẩm định hồ sơ đối với 67 trường hợp ảnh hưởng dự án theo quy định. Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc kính đề nghị UBND xã Xuân Hòa “*thực hiện niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã là 10 ngày*” theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội.

Để đẩy nhanh công tác lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh Xuân Lộc kính đề nghị UBND phường, Chủ tịch UBND xã Xuân Hòa rà soát, thực hiện đảm bảo đúng quy định và tiến độ được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTPTQĐ thành phố Đồng Nai(b/c);
- Lưu VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Lê Bảo

STT	Họ và tên	Diện tích đất thuê (m ²)	Diện tích đất thuê (m ²)				Diện tích đất thuê (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ và đền bù	Giá trị bồi thường, hỗ trợ và đền bù	Giá trị bồi thường, hỗ trợ và đền bù	Giá trị bồi thường, hỗ trợ và đền bù	Giá trị bồi thường, hỗ trợ và đền bù	Giá trị bồi thường, hỗ trợ và đền bù	Giá trị bồi thường, hỗ trợ và đền bù	Giá trị bồi thường, hỗ trợ và đền bù	Giá trị bồi thường, hỗ trợ và đền bù	Giá trị bồi thường, hỗ trợ và đền bù	Giá trị bồi thường, hỗ trợ và đền bù	Giá trị bồi thường, hỗ trợ và đền bù	Giá trị bồi thường, hỗ trợ và đền bù	Số tiền bù sung	Ghi chú		
			Trang 06 đất trồng lúa	Tổng	Trang 06 đất 0	Tổng																		
1																								
18	Ông Nguyễn Xuân Cường và bà Lê Thị Thủy Tiên	421,50	385,50	-	36,00	36,00	421.109,390	67.294,980	6.692,128	-	-	-	-	-	-	-	-	-	195.945,523	20.000,000	717.041,022	578.193,832	138.847,190	
19	Ông Nguyễn Thái Dương cùng vợ cùng đất với ông Hồ Quý	572,20	572,20	-	-	-	283.359,980	2.020,800	13.934,060	-	-	-	-	-	-	-	-	-	297.138,600	20.000,000	616.367,440	470.446,960	146.920,580	
20	Ông Trần Quang Tiến và bà Lê Thị Thủy Nga	42,20	42,20	-	-	-	22.507,350	149.635,543	1.998,464	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.600,000	12.000,000	199.741,557	189.653,007	10.088,550	
21	Bà Bùi Thị Kim	5.904,70	5.904,70	1.857,40	-	-	1.183.748,535	214.861,416	21.906,333	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.212.138,855	20.000,000	2.652.655,139	2.185.325,359	467.329,780	
22	Bà Châu Thị Ái Ngọc nhân thân kế QSDD của ông Trần Thanh Minh	1.745,70	1.745,70	-	-	-	501.190,470	-	35.843,090	-	-	-	-	-	-	-	-	-	520.272,900	20.000,000	1.076.506,460	823.931,090	252.575,370	
23	Ông Nguyễn Xuân Việt cùng vợ cùng đất với bà Nguyễn Thị Thiên Như	43,90	43,90	-	-	-	33.737,150	106.067,824	1.649,415	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.600,000	12.000,000	137.954,389	147.484,239	10.470,150	
24	Hà ông Nguyễn Văn Quỳnh	21,00	21,00	-	-	-	16.138,500	27.263,055	3.249,430	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.600,000	8.000,000	58.350,965	49.342,485	9.008,500	
25	Bà Nguyễn Thị Từ Phương	102,50	102,50	-	-	-	56.477,390	339,200	323,064	-	-	-	-	-	-	-	-	-	60.222,000	12.000,000	129.164,764	107.637,264	21.527,500	
26	Hà ông Lương Văn Cử	4,10	4,10	-	-	-	2.259,100	2.211,100	1.711,540	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.737,000	2.000,000	16.018,740	13.317,640	701,100	
27	Bà Đào Thị Kim Hoa	502,20	502,20	-	-	-	249.090,570	326.725,815	22.892,784	-	-	-	-	-	-	-	-	-	60.400,000	20.000,000	680.109,169	483.717,799	96.291,370	
28	Hà bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh và ông Lưu Minh Sơn	2.109,80	2.109,80	-	-	-	605.722,580	3.969,600	96.746,753	-	-	-	-	-	-	-	-	-	633.810,608	20.000,000	1.360.240,535	1.056.228,555	304.022,180	
29	Bà Nguyễn Thị Bích Liên	3.683,60	3.683,60	128,20	-	-	1.057.561,560	-	11.270,318	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.095.829,200	20.000,000	2.184.661,078	1.653.854,318	530.806,760	
30	Hà ông Bùi Văn Thuận và bà Trần Ngọc Hoàng	279,00	279,00	-	-	-	80.100,900	210.201,146	12.962,326	-	-	-	-	-	-	-	-	-	49.035,600	16.000,000	368.418,472	333.171,172	35.247,300	
31	Bà Nguyễn Thị Kim Hồng là vợ đẻch của người được thừa kế Quyền sử dụng đất	434,10	434,10	-	-	-	124.620,110	76.175,693	40.904,430	-	-	-	-	-	-	-	-	-	130.727,700	16.000,000	388.437,933	322.884,123	62.553,810	
32	Hà ông Hoàng Thái Sơn và bà Bùi Lê Thị Thảo	1.991,20	1.991,20	-	-	-	560.189,520	174,000	39.139,900	-	-	-	-	-	-	-	-	-	590.206,400	20.000,000	1.289.829,820	928.661,900	281.167,920	
33	Ông Trương Thanh Tú	1.793,10	1.793,10	-	-	-	514.799,010	20.523,520	109.810,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.800,000	20.000,000	676.932,540	473.719,130	203.213,410	
34	Ông Nguyễn Văn Sinh	3.747,80	3.747,80	3.747,80	-	-	1.075.995,380	69.811,200	215.308,076	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.114.896,600	20.000,000	2.496.009,236	1.955.951,276	540.057,960	
35	Ông Nguyễn Văn Tiến và bà Lê Thị An	11,40	11,40	-	-	-	2.628,270	42.156,749	1.744,526	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.600,000	8.000,000	58.129,545	53.313,875	4.815,670	
36	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	239,10	239,10	-	-	-	117.248,136	371,200	728,432	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.890,000	12.000,000	132.457,768	82.969,792	49.287,976	

